

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU  
VIETSING**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIETSING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETSING TRADING INVESTMENT AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108415585

**3. Ngày thành lập:** 27/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, số 435 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                  | 8230     |
| 2.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                          | 3600     |
| 3.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                              | 7721     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                    | 4649     |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                  | 7310     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                            | 4659     |
| 7.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                              | 3700     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                        | 4931     |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                   | 5221     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                        | 5229     |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                    | 8110     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. | 4663        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết : Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                           | 6810(Chính) |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản;                                                                                                                                                | 6820        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Hoạt động đo đạc bản đồ<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                                   | 7110        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7320        |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4912        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIETSING | Số 435 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    | 0107969012                                                                                  |         |
|     |                                   |                                                                                               | Tổng số           | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHÙNG ANH DŨNG                    | Số nhà 48, tổ 8, khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    | 001086008435                                                                                |         |
|     |                                   |                                                                                               | Tổng số           | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN TUẤN ĐỨC                   | Thôn phố Gót, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 380.000    | 3.800.000.000         | 19,000    | B5131149                                                                                    |         |
|     |                                   |                                                                                               | Tổng số           | 380.000    | 3.800.000.000         | 19,000    |                                                                                             |         |
|     |                                   |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **THIỀU VĂN HIẾU**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **08/12/1983**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **171703015**

Ngày cấp: **12/06/2013**

Nơi cấp: **Công an tỉnh Thanh Hóa**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 115 Phố Trần Phú, Thị trấn Ngọc Lặc, Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Phòng 2428 nhà VT3 bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội